TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 391/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-12-2023
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân và ông Võ Hoàng Nghiệp.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 321/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 513/2023/QĐXXST-HN ngày 03 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số nhà F, khóm H, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1985; địa chỉ: Số nhà F, khóm H, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Lê Văn T trình bày: Hôn nhân giữa ông và bà L do cha mẹ định đoạt tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là thị trấn Đ) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 164 ngày 29/12/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 10/2010 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà L muốn đi làm xa, ông thì phải ở nhà chăm sóc cha bệnh nên dẫn đến bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cự cãi nên bà L bỏ nhà đi làm thuê từ năm 2010 cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông cũng muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên thường xuyên điện hỏi thăm nhưng bà L không muốn hàn gắn tình cảm nên gia đình hai bên cũng không đứng

ra hàn gắn do để con cái tự quyết định. Nay ông không còn tình cảm với bà L nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung: Cháu Lê Chí K, sinh ngày 28/10/2007. Hiện cháu K đang sống với bà L và được bà L nuôi dạy. Khi ly hôn, ông T đồng ý để bà L tiếp tục nuôi dạy cháu K, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì bà L vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử nghĩ nên tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên tiếp cận, đương sự thống nhất với những tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp, không bổ sung thêm.

Biên bản xác minh ngày 01/11/2023, người thân ông T cung cấp: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông T, bà L là do bà L muốn đi làm xa còn ông T thì phải ở lại chăm sóc cha già bị bệnh, cả hai phát sinh mâu thuẫn, sau đó bà L ẵm con nhỏ bỏ đi. Trong thời gian ly thân thì bà L bỏ mặc ông T và không tới lui hàn gắn, không cho ông T được thăm con; về con chung thì có 01 con chung, hiện do bà L nuôi dạy; tài sản chung, nợ chung thì ông không biết.

Biên bản sự việc ngày 02/11/2023, ông Nguyễn Vũ L1 - Trưởng khóm H, thị trấn Đ, huyện A cung cấp: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1985 vẫn còn đăng ký thường trú tại số nhà F, khóm H, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang. Bà L không có ở nhà do đi làm xa.

Biên bản Về việc Không làm việc được với đương sự ngày 02/11/2023, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Vũ L1 - Trưởng khóm H, thị trấn Đ, huyện A cho thấy Tòa án có đến nhà của bà Nguyễn Thị Trúc L để ghi lời khai về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của ông Lê Văn T nhưng bà L và cháu K không có ở nhà nên không thể ghi lời khai bà L và cháu K được.

Tại phiên toà: Ông T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bà L vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sợ vụ án cho thấy hôn nhân của ông T, bà L có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống

chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung: Cháu Lê Chí K, sinh ngày 28/10/2007. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, giao con chung cho bà L được tiếp tục nuôi dạy.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do bà L vắng mặt, Tòa án không ghi nhận ý kiến của bà L về việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Lê Chí K nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, nếu bà L có yêu cầu về mức cấp dưỡng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Lê Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Trúc L. Bà L cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bà L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà L theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà L do tự tìm hiểu yêu thương tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là thị trấn Đ), huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 29/12/2006 nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của ông T xin ly hôn với bà L Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T, bà L phát sinh từ năm 2010 và sống ly thân cho đến nay nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cho cả hai nhưng bà L không có mặt để hàn gắn tình cảm. Cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này là phù hợp với lời trình bày của người thân trong gia đình ông T, bà L nên yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Ông T và bà L có 01 (một) con chung: Cháu Lê Chí K, sinh ngày 28/10/2007. Hiện cháu K đang sống với bà L và được bà L nuôi dạy. Do không ghi nhận được ý kiến của cháu K và bà L nên để đảm bảo điều kiện cho

con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt nên Hội đồng xét xử giao cháu K cho bà L được tiếp tục nuôi dạy.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông T xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, nếu có căn cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì các đương sự có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Ông T phải chịu án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T .

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Trúc L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 164 ngày 29/12/2006 của Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là thị trấn Đ), huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Chí K, sinh ngày 28/10/2007.

Bà L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Lê Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng mà ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo biên lai thu số: 0008529 ngày 06/10/2023.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án*

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang